TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2021.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999.

Nơi ĐKHKTT: Thôn LL, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Thôn NT, xã NT, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn LL, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(*Phiên toà có mặt chị T; anh T vắng mặt phiên tòa lần 2 không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 03 năm. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống với gia đình nhà chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, ngoài ra còn do anh T mải chơi, không quan tâm đến vợ con gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe còn chửi bới đánh đập chị, từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng có xô sát đánh nhau. Gia đình hai bên và anh em bạn bè đã phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020 đến

nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hải Y (con gái), sinh ngày 29/12/2018. Hiện nay cháu Y đang do chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng anh T vẫn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh T.

* Quan điểm của đại diện chính quyền thôn, xã nơi anh T đang cư trú: Anh T và chị T lấy nhau có đăng ký kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ chồng anh chị sống chung với gia đình anh T. Vì anh T được bố mẹ chiều chuộng nên anh T chơi bời lêu lổng, việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn là không tránh khỏi. Nay chị T xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị T, anh T có một con chung còn nhỏ đang ở với chị T, nếu anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Hải Y (con gái), sinh ngày 29/12/2018 cho đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn LL, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2017 tại UBND xã PV, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị T và anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T ham chơi bời, không quan tâm đến vợ con gia đình, chị T có khuyên bảo thì anh T không nghe còn chửi bới đánh đập chị, tình cảm vợ chồng ngày một căng thẳng. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích nhưng chị T vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ, nên xử cho chị T ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hải Y (con gái), sinh ngày 29/12/2018. Hiện nay cháu Y do chị T nuôi dưỡng, chăm

sóc. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Từ tháng 8/2020 đến nay cháu Y do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó, thân thiết. Cuộc sống của hai mẹ con duy trì được sự ổn định dù trong gia đình thiếu vắng sự quan tâm của người cha. Mặt khác, cháu Y hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao cháu Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện nay chị T không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc Hải Y (con gái), sinh ngày 29/12/2018 cho đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004670 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên